

PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG VÀ THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TẠI ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

● NGUYỄN HOÀNG ANH

TÓM TẮT:

Bài viết tập trung phân tích thực trạng sản xuất một số sản phẩm chủ lực của khu vực đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) trong bối cảnh biến đổi khí hậu (BĐKH) và đề xuất một số giải pháp phát triển trong thời gian tới. ĐBSCL là khu vực cung ứng hàng đầu cho cả nước và các thị trường xuất khẩu các sản phẩm nông sản như lúa gạo, thủy sản và trái cây. Tuy nhiên, trong thời gian qua, hoạt động sản xuất nông sản của khu vực gặp phải không ít khó khăn do ảnh hưởng của BĐKH, đặc biệt là hạn mặn và nước biển dâng. Bài viết cũng chỉ ra các giải pháp ứng phó với BĐKH của một số tỉnh ĐBSCL. Trong thời gian tới, khu vực ĐBSCL cần tập trung vào các vấn đề để đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp bền vững và thích ứng với BĐKH như sau: xác định rõ hơn những ngành, lĩnh vực trọng tâm trong liên kết vùng; đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng, đặc biệt là hệ thống thủy lợi và giao thông; hỗ trợ, tạo cơ hội để các doanh nghiệp chế biến tiếp cận thị trường; thực hiện công tác dự báo, kiểm soát nguồn nước ngọt và kịp thời triển khai các biện pháp ứng phó; đẩy mạnh đầu tư ứng dụng và nhân rộng các mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng; chuyển đổi từ “sản xuất nông nghiệp” sang “kinh tế nông nghiệp” kết hợp với công nghiệp chế biến như là giải pháp khả thi và bền vững trong dài hạn.

Từ khóa: nông nghiệp, bền vững, biến đổi khí hậu, đồng bằng sông Cửu Long.

1. Đặt vấn đề

ĐBSCL với diện tích gần 4 triệu ha (39.734 km²), trong đó có trên 2,4 triệu ha đất canh tác nông nghiệp và gần 700.000 ha đất nuôi trồng thủy sản, có vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, đặc biệt, ngành Nông nghiệp luôn đóng vai trò chủ lực, cung cấp 55% sản lượng lúa (trong đó, đóng góp 90% lượng gạo xuất khẩu), hơn 60% lượng nuôi trồng thủy sản và 70% lượng trái cây cho cả nước (Tổng cục Thống kê, 2020). Nông nghiệp ĐBSCL đã từng bước phát triển vượt bậc, toàn diện; tiến tới hình thành

các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn, chuyên canh nông sản chủ lực gắn với công nghệ chế biến, tiêu thụ theo chuỗi giá trị nông sản; cơ cấu sản xuất chuyển dịch theo hướng thị trường, đảm bảo chất lượng và năng lực cạnh tranh; đẩy mạnh tiếp cận với công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật...[1]. Trong tương lai, nông nghiệp ĐBSCL không chỉ tiếp tục khẳng định vai trò là trụ đỡ của nền kinh tế, mà còn vươn lên trở thành ngành kinh tế năng động, phát triển bền vững, tham gia sâu vào hội nhập kinh tế thế giới. Tuy nhiên, nền nông nghiệp ĐBSCL đang gặp những

thách thức lớn do BĐKH và thiên tai cực đoan. BĐKH có thể tác động đến thời vụ, làm thay đổi cấu trúc mùa, quy hoạch vùng, kỹ thuật tưới tiêu, sâu bệnh và sản lượng. Đặc biệt là tình trạng xâm nhập mặn ở khu vực ven biển sẽ làm thu hẹp diện tích đất nông nghiệp và hạn hán sẽ ảnh hưởng đến sự phân bố của cây trồng, làm giảm năng suất.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030 đã xác định ĐBSCL cần thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nhất là cơ cấu nông nghiệp phù hợp với từng vùng sinh thái, chủ động thích ứng, thực hiện hiệu quả các dự án ứng phó với BĐKH, nước biển dâng; giải quyết vấn đề sạt lở bờ sông, bờ biển, sụt lún, hạn mặn; xây dựng chiến lược tổng thể bảo vệ và sử dụng bền vững nguồn nước sông Mê Kông. Do vậy, các giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp bền vững nhằm bảo đảm an ninh lương thực, xóa đói, giảm nghèo,... trong bối cảnh BĐKH đang là những vấn đề cấp bách đặt ra với ngành Nông nghiệp ĐBSCL trong thời gian tới.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Quan điểm về kinh tế nông nghiệp bền vững

Theo Tổ chức Lương thực của Liên Hợp quốc FAO, phát triển nông nghiệp bền vững là quá trình quản lý và duy trì sự thay đổi về tổ chức, kỹ thuật và thể chế cho nông nghiệp phát triển nhằm đảm bảo nhu cầu ngày càng tăng của con người về nông phẩm và dịch vụ ở hiện tại và tương lai. Sự phát triển này không làm tổn hại đến môi trường, không làm suy giảm tài nguyên thiên nhiên phù hợp với kỹ thuật công nghệ, đem lại hiệu quả kinh tế được xã hội chấp nhận [7].

Theo Nguyễn Thị Miên (2017), phát triển nông nghiệp bền vững là sự phát triển kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa tăng trưởng nông nghiệp theo hướng bền vững với giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội nảy sinh trong sản xuất nông nghiệp và bảo vệ môi trường, ứng phó với BĐKH trong quá trình phát triển [11]. Ở một cách tiếp cận khác, nông nghiệp phát triển bền vững là quá trình sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, phải bảo đảm được mục đích là kiến tạo một hệ thống bền vững kinh tế - xã hội - môi trường, nhằm thỏa mãn nhu cầu về phát triển nông nghiệp hiện tại mà không tổn hại đến khả năng đáp ứng

nhu cầu của phát triển trong tương lai và được xã hội chấp nhận. Bền vững về kinh tế là sản xuất nông nghiệp hướng đến chuỗi giá trị, hiệu quả đạt cao, làm ra nhiều sản phẩm có chất lượng, không những đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, thức ăn chăn nuôi, dự trữ lương thực mà còn xuất khẩu ra thị trường quốc tế. Bền vững về xã hội, là một nền nông nghiệp phát triển bền vững phải đảm bảo cho người nông dân có đầy đủ công ăn việc làm, có thu nhập ổn định, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng được nâng lên. Bền vững về môi trường, là mọi hoạt động sản xuất nông nghiệp không hủy hoại nguồn tài nguyên thiên nhiên và không gây ô nhiễm môi trường [8].

Ngày nay, phát triển kinh tế nông nghiệp bền vững đã trở thành mục tiêu chiến lược quan trọng mà Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam quyết tâm biến thành hành động, ở hiện tại và tương lai. Thông qua mục tiêu chung của Đảng, Nhà nước ta trong Kế hoạch cơ cấu lại ngành Nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, nông nghiệp bền vững có thể được khái niệm là ngành sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản; bảo vệ môi trường, sinh thái; nâng cao thu nhập cho người dân khu vực nông thôn; đảm bảo an ninh lương thực và an ninh quốc phòng. Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, gắn với phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thích ứng với BĐKH và kết nối bền vững với chuỗi giá trị nông sản toàn cầu [14].

2.2. Phát triển kinh tế nông nghiệp bền vững với thích ứng BĐKH

BĐKH cùng với những biểu hiện của nó đang trở thành một vấn đề thách thức của nhân loại trong thế kỷ XXI. Những tác động tiềm tàng của BĐKH đã ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp, như: lũ lụt và nước biển dâng sẽ làm mất đất canh tác trong nông nghiệp; tình trạng xâm nhập mặn ở khu vực ven biển cũng sẽ làm thu hẹp diện tích đất nông nghiệp; nhiệt độ tăng, hạn hán sẽ ảnh hưởng đến sự phân bố của cây trồng, đặc biệt làm giảm năng suất [17]. Để phát triển theo hướng bền vững trong bối cảnh rủi ro khí hậu ngày càng gia tăng, ngành Nông nghiệp cần chuyển đổi từ phương thức truyền thống sang hướng thích ứng với BĐKH và bền vững với môi trường [9].

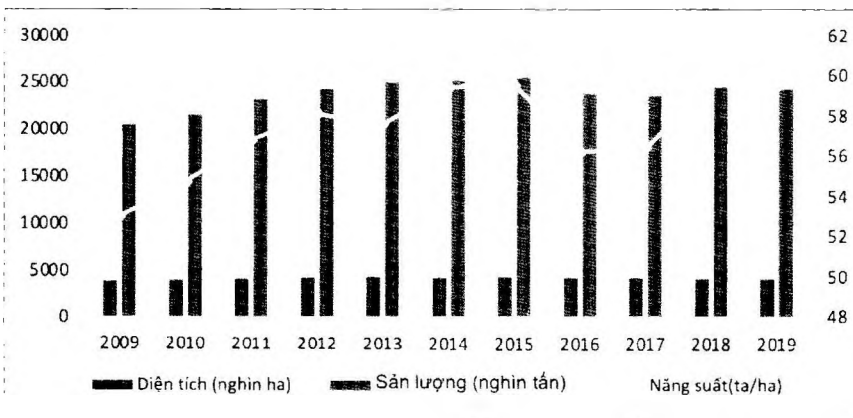
3. Thực trạng phát triển kinh tế nông nghiệp và thích ứng BĐKH tại ĐBSCL

3.1. Thực trạng sản xuất nông nghiệp tại ĐBSCL

Hiện nay ngành Nông nghiệp vùng ĐBSCL luôn duy trì tốc độ tăng trưởng cao, đóng góp khoảng 35% GDP toàn ngành Nông nghiệp cả nước (Tổng cục Thống kê, 2020). Khu vực này tiếp tục đứng đầu cả nước về sản lượng lúa, tôm, cá tra và trái cây. Cơ cấu sản xuất chuyển dịch tích cực theo hướng thị trường, thích ứng hơn với BĐKH, đảm bảo chất lượng và năng lực cạnh tranh. Xuất khẩu ĐBSCL chiếm khoảng 80% kim ngạch xuất khẩu gạo cả nước, 95% cá tra, 60% tôm và khoảng 65% trái cây (Tổng cục Thống kê, 2020). Thực trạng sản xuất một số sản phẩm nông nghiệp chủ lực của khu vực trong thời gian qua như sau:

Về sản xuất lúa: Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2020), đến năm 2019, sản lượng lúa và kim ngạch xuất khẩu gạo của ĐBSCL vẫn đứng đầu trong cả nước (lúa chiếm 56%, gạo 2,45 tỷ USD, chiếm 80% cả nước); năm 2020, sản lượng xuất khẩu gạo là 6,2 triệu tấn, đạt 3,12 tỷ USD, tăng 11,2% so với năm trước [1, 3]. Theo Hiệp hội Lương thực Việt Nam (2020), mức độ tăng bình quân hàng năm trong giai đoạn 2009 - 2019, sản lượng xuất khẩu tăng gần 0,5% trong khi đó giá trị xuất khẩu tăng gần 22%. Điều này cho thấy có sự cải thiện quan trọng về giá gạo xuất khẩu, nhờ chất lượng gạo được nâng cao và ngành Lúa gạo có bước chuyển biến trong cơ cấu sản xuất, chế biến xuất khẩu các giống lúa gạo chất lượng cao [2]. (Hình 1)

Hình 1: Diện tích, sản lượng, năng suất lúa tại ĐBSCL



Nguồn: Tổng cục Thống kê (2020)

Về sản xuất cá da trơn: Ngành Nuôi trồng cá da trơn hình thành và phát triển tại ĐBSCL gắn liền với điều kiện tự nhiên thuận lợi. Tuy nhiên, sự hình thành và phát triển của ngành Công nghiệp chế biến gắn liền với nhu cầu và sự phát triển của thị trường xuất khẩu. Ngành Nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu cá tra tại ĐBSCL đã phát triển nhanh chóng từ năm 2000, đóng góp quan trọng vào thành công của xuất khẩu cá tra cả nước. Năm 2019, diện tích nuôi cá tra đạt hơn 6.000 ha, sản lượng đạt 1,4 triệu tấn, xuất khẩu đạt trên 2 tỷ USD, chiếm 95% của cả nước; nhu cầu giống thả nuôi khoảng 3 - 4 tỷ con; toàn vùng có 230 cơ sở sản xuất cá tra giống, khoảng 4.000 hộ ương cá giống với diện tích khoảng 3.500 ha, tập trung chủ yếu ở Đồng Tháp, An Giang, Tiền Giang, Cần Thơ, số lượng giống sản xuất được gần 4 tỷ con (VCCI, 2020) [2;3]. (Bảng 1)

Về sản xuất tôm: Tính đến cuối năm 2019, ĐBSCL chiếm 88,1% diện tích và 83,7% sản lượng nuôi tôm cả nước, kim ngạch xuất khẩu 2,13 tỷ USD (chiếm 60% cả nước). Tuy vậy, tốc độ tăng trưởng trong giai đoạn 2010 - 2019 chỉ bằng khoảng 1/2 so với tốc độ tăng trưởng trong giai đoạn trước đó, do ảnh hưởng của hạn hán và xâm lấn mặn đáng kể đến vùng nuôi trồng tại ĐBSCL [2]. (Bảng 2)

Về sản xuất cây ăn trái: So với lúa gạo, cây ăn trái đem lại giá trị, thu nhập lớn hơn và có tốc độ tăng trưởng cao trong những năm gần đây, diện tích cây ăn trái ở các tỉnh phía Nam tăng liên tục. Trong đó, ĐBSCL là vùng trồng cây ăn quả chủ lực, chiếm khoảng 60% diện tích cây ăn quả toàn miền Nam, chiếm 34,5% của cả nước [2]. Hiệu quả của xuất khẩu trái cây giúp nhiều địa phương đẩy nhanh việc hình thành các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn. Nhiều giống cây ăn quả khẳng định được năng suất, chất lượng cao, thích ứng với điều kiện vùng ĐBSCL đã được đưa vào sản xuất, nâng cao giá trị và kim ngạch xuất khẩu. (Hình 2)

Bảng 1. Tổng quan về ngành sản xuất và chế biến cá tra xuất khẩu tại ĐBSCL

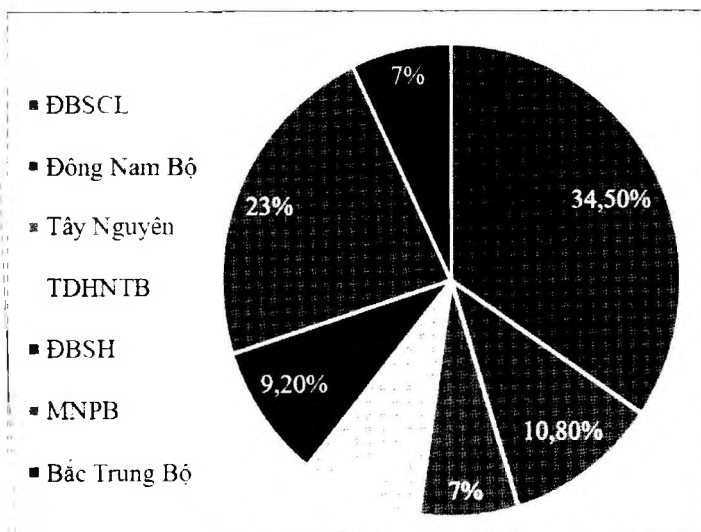
Chỉ tiêu	2000	2010	2015	2019	2000 - 2009	2010 - 2019
Diện tích (ha)	2123	5420	5623	6600	12,3%	0,9%
Sản lượng SX (nghìn tấn)	93	1141	1120	1420	31,4%	2,7%
Năng suất TB (tấn/ha)	44	211	199	215	17,1%	1,8%
Kim ngạch (triệu USD)	3	1428	1565	2003	97,0%	4,1%

Nguồn: Báo cáo kinh tế thường niên ĐBSCL, 2020 (VCCI)

Bảng 2. Sản lượng nuôi tôm tại ĐBSCL trong tương quan cả nước

Năm	Sản lượng (tấn) và cơ cấu (%)				Tăng trưởng bình quân	
	2000	2010	2015	2019	2000 - 2010	2010 - 2019
Cả nước	93.503	449.652	634.812	899.840	17,0%	8,0%
% ĐBSCL	73,8%	77,2%	80,5%	83,7%	17,5%	9,0%

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Hình 2: Cơ cấu diện tích trồng cây ăn trái ĐBSCL so với cả nước

Nguồn: Cục Trồng trọt (2020)

3.2. Ứng phó với BĐKH trong sản xuất nông nghiệp tại ĐBSCL

Vấn đề ứng phó với BĐKH trong sản xuất nông nghiệp đã được Chính phủ, chính quyền các tỉnh ĐBSCL tập trung quan tâm thực hiện và bước đầu đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, nhìn chung, các hoạt động ứng phó BĐKH trên địa bàn ĐBSCL còn mang tính cục bộ, giới hạn bởi địa giới hành chính, thiếu liên kết và đồng bộ.

Nguồn lực đầu tư cho công tác ứng phó BĐKH chủ yếu là các giải pháp công trình như xây dựng các kè chống sạt lở, các đập, hồ chứa. Từ sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 120/NQ-CP về phát triển bền vững đồng sông Cửu Long thích ứng với BĐKH đến nay, việc ứng phó với BĐKH ở ĐBSCL đã được thực hiện đồng bộ, tập trung hơn, mang lại nhiều kết quả tích cực, đặc biệt là trong lĩnh vực tái cơ cấu nông nghiệp thích ứng với BĐKH, chuyển dịch theo hướng tăng thủy sản, trái cây, giảm lúa. Các hoạt động chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ, cơ cấu giống và ứng dụng kỹ thuật canh tác, quy trình sản xuất thích ứng hơn với BĐKH tiếp tục được đẩy mạnh [1].

Từ năm 2017, các giải pháp phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn đối với sản xuất nông nghiệp cũng được tăng cường triển khai tại các tỉnh ĐBSCL như xây dựng các dự án công trình thủy lợi giúp chủ động trực tiếp kiểm soát xâm nhập mặn, xây dựng kế hoạch ứng phó với hạn hán, xâm nhập mặn với kịch bản bằng và cao hơn đợt xâm nhập mặn lịch sử trước đó, thực hiện trữ nước ngọt... Các giải pháp đã góp phần nâng cao hiệu quả phòng chống hạn hán, thiếu nước.

Thực trạng tác động của BĐKH (diễn hình là lũ, xâm nhập mặn và hạn hán) và biện pháp khắc phục của một số địa phương tại ĐBSCL thời gian qua, như sau:

Tại địa bàn tỉnh An Giang: việc thay đổi quy luật của lũ gây thiếu nước sản xuất, gây tăng ngập, lũ cao bất thường gây ảnh hưởng hệ thống đê bao... làm thiệt hại lớn đến sản xuất nông nghiệp. Để tổ chức hệ thống sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững, thích ứng với BĐKH, ngành Nông nghiệp tỉnh An Giang đã triển khai một số nội dung trọng tâm, theo đó, đã ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang rau, màu và cây ăn trái giai đoạn 2017 - 2020 với mục tiêu vừa nâng cao hiệu quả sử dụng đất, vừa duy trì quỹ đất trồng lúa, bảo vệ môi trường và thích ứng với BĐKH. Ngành Nông nghiệp của tỉnh này cũng đã triển khai một số mô hình sản xuất mùa nước nổi điển hình, như: trồng 1-2 vụ lúa, sau đó trồng sen, kết hợp thu hoạch cá tự nhiên; mô hình nuôi tôm càng xanh vùng ngập nước đầu nguồn...

Tại địa bàn tỉnh Đồng Tháp: Để chủ động ứng phó với BĐKH, tỉnh Đồng Tháp đã triển khai mô hình sản xuất nông nghiệp thích ứng với BĐKH gắn kết với xây dựng chuỗi giá trị nông sản, như: xây dựng mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ lúa gạo theo tiêu chuẩn SRP; mô hình sản xuất lúa theo tiêu chuẩn IP5G. Hiện nay, chuỗi giá trị các ngành hàng chủ lực của tỉnh cơ bản đã hình thành và phát huy hiệu quả tích cực.

Tại địa bàn tỉnh Long An: Trong điều kiện ảnh hưởng của BĐKH, hạn mặn xâm nhập, ngành Nông nghiệp tỉnh Long An đã tập trung đầu tư, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ để thích ứng với điều kiện trên: phát triển giống lúa mới có khả năng chịu mặn, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi cây trồng cần nhiều nước ngọt là lúa sang các loại cây trồng ít cần nước ngọt hơn. Từ năm 2014 - 2019, tỉnh hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên lúa diễn ra mạnh mẽ, nhiều diện tích trồng lúa chuyển sang trồng thanh long, chanh, rau màu, nuôi thủy sản... đã đem lại hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với tình hình, đặc điểm của địa phương. Bên cạnh đó, tỉnh Long An còn tăng cường hỗ trợ chương trình sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hữu cơ theo hướng thân thiện với môi trường.

Nhìn chung, các mô hình đã mang lại hiệu quả cao, giảm lượng sử dụng phân vô cơ, năng suất cao hơn. Ngoài ra, tỉnh này còn áp dụng hệ thống tưới nước tiên tiến tại các vùng rau, thanh long, chanh, tiết kiệm được nhiều chi phí trong sản xuất: nước, công lao động, phân bón...

Tại địa bàn tỉnh Bạc Liêu: Đã triển khai thực hiện 4 dự án, 3 đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, 80 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở... thuộc lĩnh vực nông nghiệp; phần lớn kết quả nghiên cứu đã được ứng dụng vào thực tế sản xuất, góp phần nâng cao năng suất, khả năng chống chịu dịch bệnh, ảnh hưởng của thời tiết, hạn mặn... đối với cây trồng, vật nuôi, thủy sản chủ lực (tôm, cua biển, lúa gạo, rau quả...). Hiệu quả sản xuất trên từng lĩnh vực được nâng lên rõ rệt như sản lượng nuôi trồng thủy sản sản lượng lúa tăng lên đáng kể.

3.4. Các vấn đề đặt ra phát triển nông nghiệp tại ĐBSCL

Thực trạng phát triển nông nghiệp trên địa bàn ĐBSCL trong thời gian qua, đặc biệt là trong bối cảnh BĐKH đặt ra các vấn đề cần phải giải quyết, đó là:

Một là, điều kiện địa lý, tự nhiên, kinh tế - xã hội giữa các tỉnh ĐBSCL tương tự nhau, do đó các tỉnh có chung một thế mạnh là sản xuất nông nghiệp, dẫn đến các sản phẩm chủ lực của các tỉnh bị trùng lặp, dàn trải. Đây là cơ hội để kinh tế nông nghiệp của vùng cùng nhau phát triển khi thực hiện tốt liên kết và quy hoạch vùng, tuy nhiên cũng là thách thức dẫn đến “xung đột lợi ích” khi không gian kinh tế vùng bị chia cắt.

Hai là, trong những năm gần đây, một số tỉnh/thành ở ĐBSCL đã xây dựng được cánh đồng lớn, bước đầu cải thiện đặc điểm đất đai, góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế cho sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, nhìn chung, việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp ở ĐBSCL còn mang tính tự phát, riêng lẻ và quy mô canh tác manh mún gây khó khăn trong việc áp dụng cơ giới hóa, khoa học kỹ thuật.

Ba là, vấn đề thị trường đầu ra, hàng hóa nông sản sản xuất chưa được định hướng thị trường tốt, nông dân sản xuất chủ yếu theo thói quen và tập quán cây trồng sẵn có, tình trạng biến động về cung - cầu hàng hóa, “được mùa mất giá” cũng là

một khó khăn to lớn mà nông nghiệp ĐBSCL phải đối mặt.

Bốn là, điều kiện cơ sở hạ tầng phục vụ tiêu thụ, bảo quản, chế biến,... sản phẩm nông nghiệp, nhất là hạ tầng logistic còn nhiều hạn chế; chất lượng nguồn nhân lực còn thấp, do đó, mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp cận các kịch bản BĐKH, phòng chống thiên tai, cập nhật thông tin về môi trường, nguồn nước,... phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, thủy sản còn thấp.

Năm là, nguy cơ tác động ngày càng gia tăng do biến đổi khí hậu cực đoan, khó lường, tình trạng sụt lún đất, xói lở bờ sông, bờ biển, xâm nhập mặn, thiếu nước ngọt ngày càng nghiêm trọng, tác động tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp toàn vùng.

4. Một số kiến nghị phát triển

Để phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng ĐBSCL, thích ứng với BĐKH, xây dựng thành công nền nông nghiệp hiện đại và phát triển bền vững, cần chú trọng các vấn đề sau:

Thứ nhất, từng địa phương cần xác định rõ hơn những ngành, lĩnh vực trọng tâm trong liên kết vùng, đặc biệt là nông, lâm nghiệp, thủy sản; tài nguyên và môi trường; giao thông vận tải;... nhằm tối ưu hóa thế mạnh, phát huy hết tiềm lực của các tỉnh, thành phố trong vùng, đảm bảo hiệu quả sản xuất về số lượng, chất lượng và đầu ra các sản phẩm; quan tâm kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường.

Thứ hai, quan tâm đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, đặc biệt là hệ thống hạ tầng giao thông, cả đường thủy và đường bộ. Dù phân chia theo địa giới hành chính, song cần xem ĐBSCL là một khu vực có cấu trúc tương đồng để hoạch định chính sách chung về đầu tư phát triển cho đồng bộ, nhắm đến lợi ích của toàn vùng. Hoàn chỉnh hạ tầng giao thông không chỉ có ý nghĩa về mặt vận chuyển hàng hóa, đáp ứng nhu cầu của người dân, mà còn làm tăng tính liên kết giữa các ngành, lĩnh vực và các địa phương.

Thứ ba, trên cơ sở Quyết định phê duyệt “Chương trình tổng thể phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với BĐKH vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, “Đề án hiện đại hóa hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi,

phát triển nông nghiệp bền vững tại các tiểu vùng sinh thái vùng ĐBSCL”, “Đề án phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030”, cần sớm đưa vào triển khai thực hiện, tạo cơ chế chính sách để ĐBSCL phát triển bền vững, thích ứng BĐKH, trở thành một trong những trung tâm kinh tế năng động, hiệu quả cao, tương xứng với tiềm năng và vị trí địa chiến lược của vùng.

Thứ tư, các ngành chức năng địa phương và Trung ương cần hỗ trợ, tạo cơ hội để các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu các sản phẩm chủ lực vùng ĐBSCL chủ động giới thiệu sản phẩm cho thị trường nước ngoài thông qua hoạt động xúc tiến thương mại quốc tế bao gồm quảng cáo, khuyến mãi, triển lãm,... về sản phẩm nông nghiệp mang thương hiệu ĐBSCL đa dạng, chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm nhằm tìm đường ra các thị trường lớn, ổn định cho nông sản, thủy sản của khu vực ĐBSCL.

Thứ năm, đầu tư lắp đặt hệ thống giám sát hiện đại, thông minh, để nhanh chóng có thông tin chính xác phục vụ đắc lực công tác dự báo, kiểm soát nguồn nước ngọt, kiểm soát lũ,...; kịp thời triển khai các biện pháp ứng phó phù hợp với từng thời điểm, từng giai đoạn, nhất là ứng phó với tác động của thời tiết cực đoan trong vùng.

Thứ sáu, đẩy mạnh đầu tư ứng dụng và nhân rộng các mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đặc biệt vùng không thể chủ động được nguồn nước, thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước, bị xâm nhập mặn sang phát triển nông nghiệp đa dạng (thủy sản - cây ăn quả - cây lúa), đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu.

Thứ bảy, tăng cường đầu tư cho giáo dục ĐBSCL nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho yêu cầu phát triển của nền nông nghiệp hiện đại và các ngành liên quan của vùng ĐBSCL trong giai đoạn phát triển mới, mạnh mẽ và bền vững hơn.

Thứ tám, chuyển đổi từ “sản xuất nông nghiệp” sang “kinh tế nông nghiệp” kết hợp với công nghiệp chế biến được xem là giải pháp khả thi và bền vững trong dài hạn. Ngoài ra, phát triển kinh tế nông nghiệp sẽ được hỗ trợ bởi các ngành kinh tế khác phù hợp với điều kiện tự nhiên của vùng đồng bằng, như phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp kết hợp với du lịch sinh thái, trải nghiệm ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Nguyễn Xuân Cường - Bộ trưởng Bộ NN & PTNN (2019). *Báo cáo kết quả tái cơ cấu ngành, sản phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp vùng ĐBSCL và nhiệm vụ thời gian tới*. Hà Nội.
2. VCCI (2020). *Báo cáo kinh tế thường niên ĐBSCL 2020*. Cần Thơ: NXB Đại học Cần Thơ.
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông nghiệp (2021). *Báo cáo Tình hình thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với BĐKH*. Hà Nội.
4. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2021). *Báo cáo Tình hình thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với BĐKH*. Hà Nội.
5. Đỗ Kim Chung (chủ biên) (2009). *Giáo trình nguyên lý kinh tế nông nghiệp*. Hà Nội: NXB Nông nghiệp.
6. FAO (1990). *World Food Dry*, FAO, Rome.
7. Nguyễn Minh Luân (2016). *Nông nghiệp tỉnh Cà Mau phát triển theo hướng bền vững*. Luận văn tiến sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
8. Nguyễn Thị Hường (2015). *Phát triển nông nghiệp Việt Nam trong điều kiện BĐKH*. Báo cáo tổng quan đề tài cấp Bộ, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
9. Nguyễn Thị Miên (2017). Chỉ tiêu đánh giá phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững ở tỉnh đồng bằng ven biển. Truy cập tại <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/thuc-tien/item/2278-chi-tieu-danh-gia-phan-trien-nong-nghiep-theo-huong-ben-vung-o-tinh-dong-bang-ven-bien.html>
10. Nguyễn Thị Miên (2017). *Phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững tỉnh Nam Định*. Luận văn tiến sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
11. Nguyễn Văn Mẫn và Trịnh Văn Thịnh, (2002). *Nông nghiệp bền vững cơ sở và ứng dụng*. Thanh Hóa: NXB Thanh Hóa.
12. Phạm Thanh Bình (2015). Chính sách phát triển nông nghiệp bền vững của Israel và nhân tố tác động. *Tạp chí Nghiên cứu châu Phi và Trung Đông*, 06(118), 12-19.
13. Thủ tướng Chính phủ (2021). *Quyết định số 255/QĐ-TTg Về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025, ban hành ngày 15 tháng 02 năm 2021*.
14. Richard R. Harwood (1990). *Lịch sử nông nghiệp bền vững - Hệ thống nông nghiệp bền vững*. USA: St. Lucie Press.
15. Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ quốc gia (2019). *Chính sách phát triển nông nghiệp bền vững của một số quốc gia và một số khuyến nghị cho Việt Nam trong bối cảnh mới*. Hà Nội.
16. Trần Thọ Đạt và Vũ Thị Hoài Thu (2012). *BĐKH và sinh kế ven biển*. Hà Nội: NXB Giao thông vận tải.
17. Vũ Trọng Bình (2013). Phát triển nông nghiệp bền vững - Lý luận và thực tiễn. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 196, 37- 45.
18. Nam Việt (2017). Thái Lan với nền nông nghiệp 4.0. Truy cập tại <http://baoquangnam.vn/the-gioi/thai-lan-voi-nen-nong-nghiep-40-53765.html>
19. Hồng Quân (2020). Sáng tạo trong phát triển nông nghiệp của Israel. Truy cập tại <https://nhandan.com.vn/baohoinay-quocte-nhipsong/sang-tao-trong-phan-trien-nong-nghiep-cua-israel-4473011>
20. Tô Đức Hạnh - Hà Thị Thúy (2018). Sản xuất nông nghiệp bền vững ở Israel và hàm ý chính sách cho Việt Nam. Truy cập tại <http://tapchikhxh.vass.gov.vn/san-xuat-nong-nghiep-ben-vung-o-israel-va-ham-y-chinh-sach-cho-viet-nam-n50285.html>
21. Chu Tiến Quang và Lê Xuân Đình (2007). Kinh nghiệm của Hàn Quốc trong phát triển nông nghiệp bền vững. Truy cập tại <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/nghien-cu/-/2018/1150/kinh-nghiem-cua-han-quoc-trong-phan-trien-nong-nghiep-ben-vung.aspx>

22. Đào Thị Hoàng Mai - Kim Ki-hueng (2019). Chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ ở Hàn Quốc và hàm ý cho Việt Nam. Truy cập tại <http://kxhnhvnghcan.gov.vn/m/?x=2478/kxhnhv-doi-song/chinh-sach-phat-trien-nong-nghiep-huu-co-o-han-quoc-va-ham-y-cho-viet-nam>

23. Anh Quân (2020). Nông nghiệp - “Trụ đỡ” của nền kinh tế Thái Lan. Truy cập tại <https://bnews.vn/nong-nghiep-tru-do-cua-nen-kinh-te-thai-lan/153913.html>

Ngày nhận bài: 3/9/2021

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 3/10/2021

Ngày chấp nhận đăng bài: 13/10/2021

Thông tin tác giả:

NGUYỄN HOÀNG ANH

Nghiên cứu sinh, Khoa Kinh tế,

Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

DEVELOPING SUSTAINABLE AGRICULTURAL ECONOMY TO RESPOND TO CLIMATE CHANGE IN THE MEKONG DELTA REGION

● Ph.D student **NGUYEN HOANG ANH**

University of Economics and Law

Vietnam National University - Ho Chi Minh City

ABSTRACT:

This paper analyzes the current production of some key products of the Mekong Delta region in the context of climate change and proposes some development solutions in the coming time. The Mekong Delta is the main agricultural producing and exporting region of Vietnam with major agricultural commodities such as rice, seafood and fruits. However, the Mekong Delta's agricultural production have encountered many climate change challenges, especially drought, saltwater intrusion and sea level rise. This paper also presents some solutions to climate change of some provinces in the Mekong Delta. In the coming time, the Mekong Delta region should focus on promoting sustainable agricultural economic development to adapt to climate change. These solutions are clearer identifying key industries and fields in regional linkages; investing in infrastructure and irrigation system development; supporting and creating opportunities for processing enterprises to access the market; forecasting and controlling freshwater sources and promptly implementing response measures; promoting the application and replication of crop restructuring models; and transforming from "agricultural production" to "agricultural economy" combined with processing industry.

Keywords: agriculture, sustainability, climate change, Mekong Delta.